

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình số 817/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, về việc “Xin ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Bà Chu T, sinh năm: 1976;

Thường trú: MP117A đường ĐHT05, khu phố 7, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 422/37B Lê Quang Định, phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: ông Hoàng N N, sinh năm 1975;

Thường trú: MP117A đường ĐHT05, khu phố 7, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 32/22C tổ 2, khu phố 2, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Bà Chu T, sinh năm: 1976;

Thường trú: MP117A đường ĐHT05, khu phố 7, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 422/37B Lê Quang Định, phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: ông Hoàng N N, sinh năm 1975;

Thường trú: MP117A đường ĐHT05, khu phố 7, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 32/22C tổ 2, khu phố 2, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Chu T và ông Hoàng N N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Hoàng Minh Phúc sinh ngày 31/3/2007 và Hoàng Minh Lộc sinh ngày 22/01/2012. Bà Chu T và ông Hoàng N N thỏa thuận người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là ông Hoàng N N, bà Chu T không cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: không có.

2.4. Nghĩa vụ chung về tài sản: không có.

2.5. Về án phí HNGĐ: án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng bà Chu T tự nguyện nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà bà Chu T đã nộp khi khởi kiện theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **AA/2019/0105043 ngày 14/9/2020** của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. bà Chu T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm, hoàn lại cho bà Chu T số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 19 Luật thi hành án.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 35 Ủy ban nhân dân phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/02/2009 cho bà Chu T và ông Hoàng N N không còn giá trị sử dụng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THẨM PHÁN**

Đào Tiến Trung